TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày 27-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thu Lan

Bà Trần Thị Thanh.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Gấm – Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2020/HSST-QĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: C), sinh ngày 10 tháng 4 năm 1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Trịnh Thị V (đã chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Văn T, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1987 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ là Trần Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến

ngày 25 tháng 12 năm 2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Phùng Thanh C, sinh ngày 25 tháng 3 năm 1974 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Thanh L và bà Phạm Thị N (đã chết); bị cáo có vợ là Phùng Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Lê Ngọc T, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Phạm Thị M; bị cáo có vợ là Hoàng Thị Linh C và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Hoàng M T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1994 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H (đã chết) và bà Đỗ Thị T; bị cáo có vợ là Phan Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Nguyễn Xuân H, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1970 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị C; bị cáo có vợ là Đỗ Thị Hồng H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Lê Văn M, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã Q H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị V; bị cáo có vợ là Đào Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Nguyễn Văn T, sinh ngày 24 tháng 10 năm 1977 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị R; bị cáo có vợ là Bùi Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Ninh Văn T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; con ông Ninh Văn P và bà Nguyễn Thị B; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Trần Tăng C, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1994 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tăng H và bà Nguyễn Thị M; bị cáo có vợ là Đoàn Thị H; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. Nguyễn Xuân H (tên gọi khác: B), sinh ngày 09 tháng 05 năm 1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị C; bị cáo có vợ là Vũ Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

12. Đỗ Hùng T, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1996 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã Tiên C, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K và bà Lê Thị Đ; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người làm chứng: Chị Vũ Thị H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 16/12/2019, tại khu vực lán để xe của Công ty TNHH J ở thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, Công an huyện An Lão bắt quả tang Nguyễn Văn Q, Phạm Văn T, Lê Văn M, Hoàng M T, Nguyễn Văn T, Ninh Văn T, Nguyễn Xuân H, Lê Ngọc T, Đỗ Hùng T, Trần Tăng C, Phùng Thanh C, Nguyễn Xuân H (đều là người của Công ty TNHH J) đang đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền. Thu giữ tại chiếu bạc 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị và số tiền 6.430.000 đồng. Thu giữ trên người các đối tượng số tiền 48.850.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai: Khoảng hơn 12 giờ trưa, sau khi ăn cơm xong, Nguyễn Văn Q, Đỗ Hùng T, Lê Văn M, Phùng Thanh C về khu vực lán để xe của Công ty TNHH J để nghỉ ngơi. Thấy ở đó có sẵn 04 quân vị hình tròn được cắt từ lá bài T lơ khơ và 01 bộ bát đĩa bằng sứ, cả 04 đối tượng cùng nhất trí đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, Q xóc cái để mọi người cùng chơi. Sau đó, Phạm Văn T, Hoàng M T, Nguyễn Văn T, Ninh Văn T, Nguyễn Xuân H, Lê Ngọc T, Trần Tăng C và Nguyễn Xuân H vào cùng tham gia đánh bạc. Đánh được một lúc thì Q hết tiền nên T vào thay Q xóc cái. Cách thức chơi như sau: 04 quân vị có 02 mặt khác nhau (mặt trắng và mặt màu), nếu 02 quân vị hoặc 04 quân vị có mặt giống nhau thì gọi là chẵn; nếu 01 quân vị hoặc 03 quân vị có mặt giống nhau gọi là lẻ; người đánh bạc sẽ đặt tiền vào cửa chẵn hoặc lẻ; tỉ lệ đặt cược 1:1 tức là nếu ai đặt cửa chẵn hoặc lẻ, khi người xóc cái mở bát quân vị chẵn người đặt cửa chẵn thắng, quân vị lẻ người đặt cửa lẻ thắng; người thắng được số tiền bằng số tiền đã đặt; nếu thua mất số tiền đã đặt. Các đối tượng không phân công ai canh gác hay thu tiền hồ của những người tham gia đánh bạc hoặc cho vay, cầm đồ.

Khi tham gia đánh bạc Nguyễn Văn Q có 680.000 đồng, Phùng Thanh C có 1.650.000 đồng, Nguyễn Văn T có 400.000 đồng, Ninh Văn T có 200.000 đồng, Đỗ Hùng T có 60.000 đồng. Q, C, T, T và T sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc. Phạm Văn T có 11.710.000 đồng, sử dụng 320.000 đồng để đánh bạc; Lê Văn M có 20.140.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng; Nguyễn Xuân H có 10.100.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng; Hoàng M T có 3.500.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng; Nguyễn Xuân H có 3.190.000 đồng, sử dụng 120.000 đồng; Lê Ngọc T có 2.150.000 đồng, sử dụng 1.450.000 đồng; Trần Tăng C có 1.500.000 đồng, sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 6.430.000 đồng. Số tiền 48.850.000 đồng còn lại thu giữ trên người các bị cáo T, M, H, T, H, T, C không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi đánh bạc như nội dung Cáo trạng.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 12 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn T, Phùng Thanh C, Lê Ngọc T, Lê Văn M, Hoàng M T, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn T, Ninh Văn T, Trần Tăng C, Nguyễn Xuân H, Đỗ Hùng T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Trong lời luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (bị cáo T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51); Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn Q, Phạm Văn T, Phùng Thanh C mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (bị cáo T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51) ; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Ngọc T, Lê Văn M mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Văn T, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc; Trần Tăng C, Ninh Văn T, Đỗ Hùng T mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền: Nguyễn Xuân H, Nguyễn Xuân H mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội đánh bạc.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn T, Phùng Thanh C, Lê Ngọc T, Lê Văn M mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Các bị cáo Hoàng M T, Nguyễn Văn T, Ninh Văn T, Trần Tăng C, Đỗ Hùng T do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về khấu trừ thu nhập: Đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.430.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc; tịch thu tiêu hủy toàn bộ dụng cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc; trả lại các bị cáo số tiền các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên. Tại lời nói sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Xuân H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Lão, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn T, Phùng Thanh C, Lê Ngọc T, Lê Văn M, Hoàng M T, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn T, Ninh Văn T, Trần Tăng C, Nguyễn Xuân H, Đỗ Hùng T thừa nhận vào khoảng hơn 12 giờ ngày 16 tháng 12 năm 2019, tại khu vực lán để xe của Công ty TNHH J ở thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, các bị cáo đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền thì bị bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 6.430.000 đồng. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ; phù hợp với lời khai của người làm chứng, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn T, Phùng Thanh C, Lê Ngọc T, Lê Văn M, Hoàng M T, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn T, Ninh Văn T, Trần Tăng C, Nguyễn Xuân H, Đỗ Hùng T đồng phạm tội "Đánh bạc" theo Điều 321 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo không vi phạm tình tiết định khung tăng nặng nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[4] Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo không những đã xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội, mà còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Đây là một tệ nạn xã hội đã gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân nên cần xét xử nghiêm.

- Về hình phạt

[5] Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc. Trong đó, bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn T là những người trực tiếp xóc cái cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc, bị cáo Q sử dụng 680.000 đồng để đánh bạc, bị cáo T sử dụng 320.000 đồng để đánh bạc nên 02 bị cáo có vai trò cơ bản ngang nhau và cao nhất trong vụ án; các bị cáo còn lại đều trực tiếp tham gia đánh bạc, trong đó bị cáo Phùng Thanh C sử dụng số tiền 1.650.000 đồng, bị cáo Lê Ngọc T sử dụng 1.450.000 đồng để đánh bạc nên các bị cáo có vai trò thứ 2 sau bị cáo Q và bị cáo T. Bị cáo Hoàng M T, Nguyễn Xuân H mỗi người sử dụng 500.000 đồng, Lê Văn M, Nguyễn Văn T mỗi người sử dụng 400.000 đồng vào việc đánh bạc nên Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của các bị cáo cơ bản ngang nhau và thấp hơn bị cáo C, T. Bị cáo Ninh Văn T sử dụng 200.000 đồng, Trần Tăng C sử dụng 150.000 đồng, Nguyễn Xuân H sử dụng 120.000 đồng, Đỗ Hùng T sử dụng 60.000 đồng vào việc đánh bạc nên các bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn T có bố đẻ có thời gian tham gia quân đội được tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang; Lê Ngọc T, Trần Tăng C có ông nội tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3; Đỗ Hùng T có ông ngoại tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hoàng M T, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Xuân H, Ninh Văn T đều có thời gian tham gia quân đội, có bố đẻ, ông nội tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng thưởng nhiều Huân huy chương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn M khai có thời gian tham gia quân đội nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[8] Các bị cáo Phùng Văn C, Lê Văn M là những người tham gia đánh bạc từ đầu, có ít tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác có cùng vai trò trong vụ án.

[9] Căn cứ vào vai trò, nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo nhân thân đều không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn T, Phùng Thanh C; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Lê Ngọc T, Lê Văn M,

Hoàng M T, Nguyễn Văn T, Ninh Văn T, Trần Tăng C, Đỗ Hùng T theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự; áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Xuân H theo Điều 35 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[10] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn Q, Phùng Thanh C, Lê Ngọc T, Lê Văn M mỗi bị cáo 10.000.000 đồng; các bị cáo Hoàng M T, Nguyễn Văn T, Ninh Văn T,Trần Tăng C, Đỗ Hùng T do có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên áp dụng khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt tiền mỗi bị cáo 3.000.000 đồng.

[11] Về khấu trừ thu nhập: Do các bị cáo Lê Ngọc T, Lê Văn M, Hoàng M T, Nguyễn Văn T, Ninh Văn T, Trần Tăng C, Đỗ Hùng T không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập.

[12] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn; 03 ví da màu đen; 03 ví da màu nâu; số tiền 55.280.000 đồng. Hội đồng xét xử xét: Đối với số tiền 6.430.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc bị bắt quả tang, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc; 03 ví da màu đen, 03 ví da màu nâu thu của các bị cáo Phạm Văn T, Lê Ngọc T, Hoàng M T, Nguyễn Xuân H, Ninh Văn T, Trần Tăng C. Tại phiên tòa các bị cáo đề nghị không nhận lại. Xét thấy, các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng hoặc còn giá trị sử dụng nH không đáng kể nên cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 48.850.000 cơ quan điều tra thu trong người các bị cáo, cụ thể: thu của bị cáo Phạm Văn T có 11.390.000 đồng, Lê Văn M có 19.740.000 đồng, Nguyễn Xuân H có 9.600.000 đồng, Hoàng M T có 3.000.000 đồng, Nguyễn Xuân H có 3.070.000 đồng, Lê Ngọc T có 2.700.000 đồng; Trần Tăng C có 1.350.000 đồng, tại phiên tòa các bị cáo đều khai đây là tiền công lao động các bị cáo cất trong người để sử dụng vào việc chi tiêu sinh hoạt cho gia đình, bị cáo H khai tiền bị cáo ứng của Công ty để mua sắm vật tư cho Công ty, toàn bộ số tiền trên các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo nH tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt

1.1.Về hình phạt chính

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (bị cáo T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51); Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Văn Q 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạm Văn T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phùng Thanh C 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phùng Thanh C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, tại địa phương bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ công dân 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định chuyển án treo thành tù giam, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (bị cáo T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51); Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lê Ngọc T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019, quy đổi cứ 01 ngày tù bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ nên thời gian cải tạo không giam giữ còn 17 (mười bảy) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao bị cáo Lê Ngọc T cho UBND xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Lê Văn M 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019, quy đổi cứ 01 ngày tù bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ nên thời gian cải tạo không giam giữ còn 17 (mười bảy) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao bị cáo Lê Văn M cho UBND xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Hoàng M T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019, quy đổi cứ 01 ngày tù bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ nên thời gian cải tạo không giam giữ còn 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao bị cáo Hoàng M T cho UBND xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019, quy đổi cứ 01 ngày tù bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ nên thời gian cải tạo không giam giữ còn 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Ninh Văn T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019, quy đổi cứ 01 ngày tù bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ nên thời gian cải tạo không giam giữ còn 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao bị cáo Ninh Văn T cho UBND xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Trần Tăng C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019, quy đổi cứ 01 ngày tù bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ nên thời gian cải tạo không giam giữ còn 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao bị cáo Trần Tăng C cho UBND xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Đỗ Hùng T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 12 năm 2019, đến ngày 25 tháng 12 năm 2019, quy đổi cứ 01 ngày tù bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ nên thời gian cải tạo không giam giữ còn 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận

được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao bị cáo Đỗ Hùng T cho UBND xã Tiên C, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền:

- Nguyễn Xuân H 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) về tội "Đánh bạc"

- Nguyễn Xuân H 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) về tội "Đánh bạc"

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

1.2.Về hình phạt bổ sung

- Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt tiền các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn Q, Phùng Thanh C, Lê Ngọc T, Lê Văn M mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng)

- Căn cứ khoản 3 Điều 321; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, phạt tiền các bị cáo Hoàng M T, Nguyễn Văn T, Ninh Văn T,Trần Tăng C, Đỗ Hùng T mỗi bị cáo 3.000.000đ (ba triệu đồng)

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 6.430.000đ (Sáu triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng)

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn; 03 ví da màu đen; 03 ví da màu nâu.

- Trả lại các bị cáo nH tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho: Phạm Văn T 11.390.000đ (mười một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng); Lê Văn M 19.740.000đ (mười chín triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng); Nguyễn Xuân H 9.600.000đ (chín triệu sáu trăm nghìn đồng); Hoàng M T 3.000.000đ (ba triệu đồng); Nguyễn Xuân H 3.070.000đ (ba triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng); Lê Ngọc T 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng); Trần Tăng C 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng và Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Công an huyện An Lão tới Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo*:* Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV06 Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Công an huyện An Lão; Cơ quan THA hình sự CA huyện An Lão;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND các xã;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh Vân